

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Minh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Đức M, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Minh T với anh Trần Đức M chung sống năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/07 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày ngày 25 tháng 10 năm 2007. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2017, nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Đức M.

Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là cháu Trần Đức H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2008, cháu Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 và cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017. Cháu H và cháu N hiện đang sinh sống với anh Trần Đức M. Cháu C hiện đang sinh sống với chị T. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Quá trình tố tụng, chị T yêu cầu nuôi cháu C, đồng ý giao cháu H và cháu N cho anh M nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2022, bị đơn anh Trần Đức M trình bày: thống nhất như trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ hôn nhân và về nguyên nhân mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn, anh M đồng ý.

Về con chung: thống nhất như lời trình bày của chị T về con chung. Ly hôn, anh M yêu cầu được nuôi cháu H và cháu N, đồng ý giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 13 tháng 6 năm 2022, Công chức Tư pháp xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng cung cấp như sau: Chị Hoàng Minh T với anh Trần Đức M quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh M thì địa phương không xác định được do chị T, anh M không yêu cầu địa phương, tổ chức, đoàn thể can thiệp để giải quyết mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Hoàng Minh T, bị đơn anh Trần Đức M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao

nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn tuân theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/07 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày ngày 25 tháng 10 năm 2007, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh M vì vợ chồng sống không hạnh phúc, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là cháu Trần Đức H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2008, cháu Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 và cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017. Xét thấy, cháu C hiện đang sống với chị T; cháu H và cháu N đều trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở cùng với anh M, hiện cháu H và cháu N đang được anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, tiếp tục giao cháu C cho chị Thu; giao cháu H và cháu N cho anh M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Đức M có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Minh T khởi kiện anh Trần Đức M, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn anh M do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Cả chị T và anh M cùng xác định không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Có cơ sở xác định chị T và anh M cùng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M có 03 con chung là cháu Trần Đức H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2008, cháu Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 và cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017. Quá trình tố tụng, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017; đồng ý giao 02 con chung là cháu H và cháu N cho anh M nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng, cháu H và cháu N có nguyện vọng được sống chung với anh M. Xét, chị T, anh M có việc làm, thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử xét giao cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017 cho chị Hoàng Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Đức H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2008 và cháu Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 cho anh Trần Đức M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị

T, anh M không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58; khoản 1 Điều 59; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Minh T đối với bị đơn anh Trần Đức M về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M.

- Về nuôi con chung:

Giao cháu Trần Đức H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2008 và cháu Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 cho anh Trần Đức M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017 cho chị Hoàng Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Minh T và anh Trần Đức M không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Hoàng Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009158 ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết